

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng B**, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thúy K**, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng B trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông B và bà K sống chung từ năm 2011, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 6 năm 2015. Ly thân gần 03 năm nay, lý do: Phát sinh mâu thuẫn và cuộc sống hai bên không ai quan tâm đến ai, hiện tại cả hai cũng có cuộc

sống riêng, không hàn buộc nhau và tình cảm vợ chồng cũng đã chấm dứt nên Ông B yêu cầu được ly hôn với bà K.

+ Việc nuôi con: Ông B và bà K có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012. Hiện tại cháu D đang sống với bà K. Ông B yêu cầu giao con cho bà K tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Ông B và bà K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thúy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng B xin ly hôn với bà Nguyễn Thúy K.

+ Về quan hệ con: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều D cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng và về cấp dưỡng không đặt ra do không yêu cầu.

+ Chia tài sản: Do không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng B vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Nguyễn Thúy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do bà Nguyễn Thúy K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của Ông B để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Ông B và bà K là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của Ông B đã chứng minh được, Ông B và bà K ly thân trong khoảng thời gian dài, với những lý do mà Ông B đưa ra. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của Ông B được ly hôn với bà K.

[3]. Việc nuôi con:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu Nguyễn Thị Kiều D đang sống với bà K và đang phát triển bình thường, Ông B yêu cầu giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng. Cho nên, việc giao cháu D cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Do không thể tiến hành lấy lời khai bà K nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trong trường hợp bà K có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Việc chia tài sản: Do không phát sinh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền Ông B đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 00023641 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Bà Nguyễn Thúy K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng B và bà Nguyễn Thúy K.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012 cho bà Nguyễn Thúy K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Nguyễn Hoàng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Trong trường hợp bà Nguyễn Thúy K có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

3. Chia tài sản: Do không phát sinh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền Ông B đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 00023641 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Bà Nguyễn Thúy K không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn